Tạp chí Khoa học Đại học Thăng Long A1(1):136-143, (2021)

NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH HỌC QUA HOÀNG LÊ CẢNH HƯNG BẢN ĐỒ

Lê Văn Ất*

Nhận bài: 26/07/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 05/08/2021; Chấp nhận đăng: 13/08/2021
© 2021 Trường Đại học Thăng Long.

Tóm tắt

Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản Đồ là một bản đồ vẽ đường đi từ Kinh Đô (Thăng Long) đến Chiêm Thành. Bài viết vận dụng các phương pháp thống kê so sánh, địa danh học, nghiên cứu liên ngành để thảo luận vấn đề địa danh học của *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ*. Kết quả cho thấy đây là văn bản Nhật trình, được sao chép lại từ bản *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* năm Minh Mệnh thứ 14 (1833). Từ nội dung sao chép có thể kết luận, *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ* đã tôn trọng bản đồ trước đó, tuy một số địa danh đã được thay đổi, nhưng không ảnh hưởng nhiều tới nội dung và phong cách tạo tác văn bản".

Từ khóa: *Địa danh học; Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ; Nhật trình*

1. Dẫn nhập

Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ 皇黎景興版圖 là một bản đồ Nhật trình giấy dó còn nguyên vẹn, khổ 30x17cm, gồm 40 trang (gồm cả 2 trang bìa), chữ Hán được viết theo thể chữ khải, vẽ đường đi từ Kinh Đô (Thăng Long) đến Chiêm Thành, hiện lưu trữ tại Tư đạo Văn khố, Đại học Kyoto, Nhật Bản. Qua tra cứu, sách này không thấy xuất hiện trong kho sách Viện nghiên cứu Hán Nôm hay bất cứ kho sách nào khác ở trong nước [6], [11], [12], [18]. Trước đây chúng tôi đã có dịp giới thiệu sơ bộ về tập bản đồ [4], giám định niên đại [2], [3]... nhưng chưa bàn nhiều tới vấn đề địa danh học bản đồ và thảo luận tính bình ổn nội dung, qua đó lý giải việc tồn tại bản sao chép *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ* này. Để làm rõ hơn các vấn đề này, người viết trình bày sơ lược qua các mục: Địa danh học Việt Nam, Địa danh học *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ*, từ việc thống kê địa danh và mật độ phân bố, thảo luận về tính bình ổn nội dung và mục đích sao chép.

2. Địa danh học Việt Nam

Các nhà nghiên cứu đi trước cho rằng, một nghiên cứu *địa lý học lịch sử* đồng thời thực hiện cả các thao tác của *địa danh học lịch sử* (historical toponymy), cho dù địa danh học lịch sử là một chuyên ngành thuộc *ngôn ngữ học lịch sử* (historical linguitics) [5]. Địa danh học lịch sử quan tâm tới mọi hiện tượng diên cách 沿革 (thay đổi và không thay đổi) của các loại hình

* Viện Nghiên cứu Nhận thức và Giáo dục Thăng Long (TICES), Trường Đại học Thăng Long

ngôn ngữ, các dạng tư liệu truyền khẩu được sử dụng để ghi chép về địa danh tự nhiên, địa danh hành chính, địa danh văn hóa, địa danh lịch sử (tên gốc Champa, gốc Mã Lai, Khmer, tên Trung Hoa, tên Tây Phương, tên Nôm…). Bởi thế, một thực thể địa lý có nhiều tên gọi có khi gây khó khăn nhầm lẫn trong nghiên cứu nhưng có khi lại là sự hấp dẫn trong việc tìm hiểu quá trình diễn biến địa danh [13]. Đối tượng cụ thể của địa danh học lịch sử xuất hiện trên nhiều loại hình tư liệu, như: chính sử, tư sử, bản đồ hành chính, bản đồ tỉnh, bản đồ phủ huyện hay các bản đồ *nhật trình* (sông, bộ, thủy), thậm chí các văn bản bi ký, gia phả, thần phả, địa bạ, công văn hành chính cũng xuất hiện tương đối nhiều.

Như vậy, địa danh học quan hệ tới nhiều lĩnh vực khác, cho nên việc thu thập tư liệu giữ vai trò tối quan trọng khi nghiên cứu. Khi tập trung đầy đủ tư liệu, coi như ta đã hoàn thành một phần công trình [8]. Nhiệm vụ nghiên cứu địa danh học lịch sử là "bóc lớp lịch sử", xác định niên đại cho các địa danh, xác định độ dài thời gian sử dụng của địa danh, hay sự thay đổi tên gọi địa danh qua các thời kỳ lịch sử. Có thể dẫn chứng ở một số công trình nghiên cứu về thao tác này, như việc bóc tách các lớp địa danh để chứng minh niên đại: "Tìm hiểu về niên đại *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư"* của Phạm Hân [7], nghiên cứu về niên đại *Hồng Đức bản đồ* ký hiệu A.2499 của Hàn Chiêu Kính và Quách Thanh Ba [19] hay "Giám định niên đại *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ*"của Lê Văn Ất [2]; thao tác chuyển đổi địa danh các ngôn ngữ Khmer, Thái, Pháp thành địa danh Việt, như phần chú thích *Xiêm La quốc lộ trình tập lục* trong bản dịch của Phạm Hoàng Quân [14]… Các hiện tượng trùng danh ngẫu nhiên và trùng danh mô phỏng (trong quá trình di dân, sao phỏng mô hình chính trị, di thực văn hóa), hay quy đổi các địa danh quá khứ tương ứng với địa danh và vị trí hiện tại, như: quy đổi địa danh (phần chú thích) của Hà Văn Tấn cho sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi [15]. Quá trình tái tạo truyền thống lịch sử qua các trường hợp tương đồng địa danh cũng như tái tạo địa danh học lịch sử, các công trình theo phương pháp này có thể thấy trong *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh [1], "Về quê hương Ngô Quyền" của Trần Quốc Vượng [16] hay "Đường Lâm là Đường Lâm nào (Tìm về quê hương Đại sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu)" của Trần Ngọc Vương, Nguyễn Tô Lan, Trần Trọng Dương [17].

Những thành tựu nghiên cứu về địa danh học lịch sử nói trên có thể tạo nên những bước tiến mới đối với nhận thức đa chiều/ khác biệt về lịch sử. Có thể nói, địa danh học lịch sử nghiên cứu tất cả các hiện tượng địa danh đã từng tồn tại trong lịch sử (mà có thể hiện nay không còn mấy ai biết đến) với những nguyên lý và thao tác phổ quát của địa danh học. *Địa danh học lịch sử* là một cách đi cùng chiều với *địa lý học lịch sử*. Nếu nói *địa danh học* (toponymy) là từ hiện tại để soi chiếu về quá khứ thì địa danh học lịch sử là từ quá khứ để soi chiếu lại hiện tại. Hay nói một cách dễ hiểu, địa danh học lịch sử là hoa tiêu, là chỉ dấu của các nghiên cứu sử học và địa lý học lịch sử [5].

3. Địa danh học Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ

Qua khảo sát sơ bộ, văn bản ghi chép 708 địa danh trên bản đồ, các địa danh này bao gồm: thành, dinh, thừa ti, phủ, huyện, núi, đèo, sông, biển, kênh, ghềnh, miếu, đền, quán, tuần ti… Để thuận tiện cho thảo luận, chúng tôi xếp chúng vào các nhóm địa danh, như: Hành chính, sơn xuyên, lộ trình, phòng thủ, di tích và các địa danh khác.

Mặt khác, chúng tôi thảo luận trên hai phương diện: (a) Mật độ phân bố địa danh, (b) Nội dung địa danh phân bố, từ đó bàn luận tới mục đích và tác giả vẽ bản đồ.

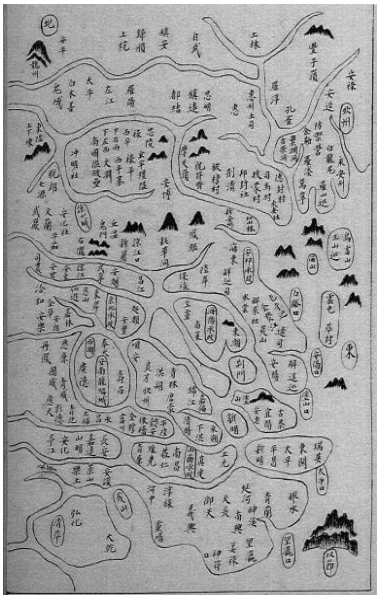

Tổng quát đồ, tác giả không rõ, nằm trong tập Hồng Đức bản đồ, A.2499

An Nam quốc đồ, tác giả Trịnh Nhược Tăng (1503—1570)

An Nam đại quốc họa đồ do giám mục Jean-Louis Taberd xuất bản năm 1838. Bản đang lưu giữ tại Thư viện Quốc gia ở Paris, Pháp

Hình 1. Hình ảnh mật độ phân bố địa danh của Tổng quát đồ, An Nam quốc đồ và An Nam đại quốc họa đồ

3.1. Mật độ phân bố địa danh

Nhìn vào Bảng 1 chúng ta có thể thấy rằng, mật độ phân bố địa danh giữa các đơn vị hành chính không đồng đều. Cụ thể, càng đi vào phía Nam, mật độ ghi chép địa danh càng tăng, đặc biệt là vùng Thanh Hóa, Nghệ An và Thuận Hóa. Khu vực phía Bắc như phủ Phụng Thiên, Sơn Nam hay Thanh Hoa ngoại trấn (Ninh Bình ngày nay) lại không mô tả quá nhiều địa danh. Trong khi đó, theo khảo sát ban đầu, từ Thăng Long cho tới Ninh Bình có 2 lộ trình được thực hiện là đường bộ và đường sông. Như vậy, mặc nhiên khu vực này phải mô tả nhiều đơn vị địa danh; tuy nhiên việc mật độ phân bố địa danh khá thưa thớt tại khu vực này phản ánh có lẽ tác giả không coi trọng địa danh học phía Bắc. Đặc trưng này hoàn toàn khác với các bản đồ khác là phân bố dày đặc ở phía Bắc, giảm dần về phía Nam, như: *Tổng quát đồ, An Nam quốc đồ* và *An Nam* đại *quốc họa đồ*. Không khó để nhận thấy, khu vực địa danh tập trung nhiều nhất là vùng Nghệ An (thực tế ngày nay là vùng Quảng Bình) với các thông số địa danh học văn bản đều thể hiện khu vực này. Đáng chú ý là mật độ địa danh khu vực Bố Chính phía bắc và Bố Chính phía nam, nhìn theo tiến trình lịch sử, là khu vực diễn ra nhiều các cuộc xung đột giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Bảng 1. Mật độ phân bố địa danh

	Hành chính	Sơn xuyên	Lộ trình	Phòng thủ	Di tích	Địa danh khác	Tổng
Phụng Thiên	4	3	1		1		9
Sơn Nam	23	12	33	2	1		71
Thanh Hoa ngoại trấn	7	8	16	3			34
Thanh Hoa	16	31	47	5	1	1	101
Nghệ An	18	66	97	12	2	4	199
Thuận Hóa	15	17	54	28	3	11	128
Quảng Nam	21	82	44	6	1	2	156

Nguồn: Tác giả tổng hợp 2021

Có lẽ tư duy lịch sử đã tác động ít nhiều tới người vẽ bởi mật độ khu vực phía Nam bản đồ bị giảm dần sau khu vực hành chính Thuận Hóa. Khu vực này là khu vực thuộc Đàng Trong, trong khi tác giả thuộc Đàng Ngoài, không có nhiều thông tin cũng như việc khảo sát thực tế. Cho nên tác giả đã cố gắng pha trộn những thông tin mà mình thu thập được để mô tả, có thể dẫn ra một số ví dụ, như: tỉ lệ mô tả khu vực cửa Cam Ranh bị bóp méo, đơn vị địa danh "chợ" phần lớn là mô tả ở khu vực Đàng Ngoài, hay các "quán" dừng chân ở khu vực từ Bố Chính trở vào đều không rõ ràng về tên gọi, càng vào phía Nam thì việc ghi chép này càng được thể hiện rõ ràng hơn. Như vậy, với các thông số về mật độ phân bố địa danh này đã phản ánh đặc trưng lịch sử riêng biệt của *Hoàng* Lê *Cảnh Hưng Bản* đồ, cũng như gia tăng tính chính xác về nhận định tác giả cũng như niên đại mà tôi từng trình bày ở bài viết trước. Thứ nhất, tác giả không thể thuộc khu vực Đàng Trong, nói cách khác bản đồ này là do chính quyền Đàng Ngoài hội chế. Thứ hai, nội dung bản đồ sao chép này không có quá nhiều sự biến đổi về mặt địa danh, nói cách khác lưu giữ tối đa các dấu tích của văn bản gốc là *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*.

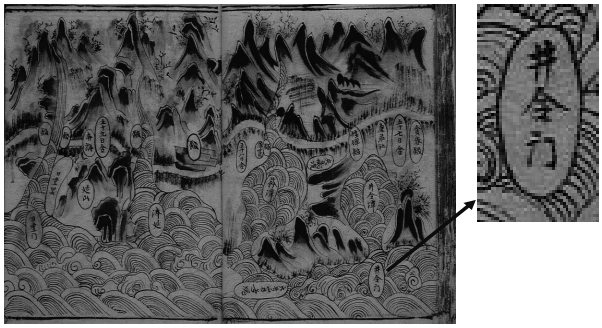

Hình 2. Hình ảnh về Cửa Cam Ranh trong Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ

Nguyên văn chép 井令门/ Tỉnh Lệnh môn, *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* lưu giữ tại Đông Dương văn khố chép 甘冷门, khả năng do dị tự 井/ tỉnh và 甘/Cam gần giống nhau mà người sao chép bản đồ Cảnh Hưng đã chép nhầm Cam Ranh thành Tỉnh Ranh.

3.2. Nội dung địa danh phân bố

Hành chính, sơn xuyên và lộ trình là những nhóm địa danh đóng vai trò chủ đạo trong văn bản. Cụ thể địa danh hành chính chiếm 16% trong toàn bộ địa danh mô tả, bao gồm: thành, dinh, thừa ti, phủ, huyện, xã, phố... Trong đó, địa danh được mô tả nhiều nhất là "huyện". Bởi những địa danh "huyện" này trải dài theo lộ trình từ bắc tới nam,

cho nên số lượng địa danh "huyện" lớn như vậy.

Nhóm địa danh sơn xuyên chiếm tỉ lệ khoảng 31% trên tổng số địa danh mô tả trên bản đồ. Trong đó, hệ thống địa danh sông nước chiếm gần 70,3% trong tổng hệ thống sơn xuyên. Như vậy, hệ thống sông ngòi là một trong những đối tượng mô tả đóng vai trò chính yếu trong văn bản. Đặc trưng này không chỉ tồn tại trong riêng *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ* mà có ở hầu hết các bản đồ hiện tồn. Có lẽ vị trí địa lý cùng tư duy nông nghiệp đã tác động ít nhiều tới đặc trưng tạo tác bản đồ cổ này.

Bảng 2. Nội dung địa danh phân bố, số lượng và tỉ lệ

STT	Nội dung địa danh	Số lượng	%
1	Hành chính	111	16
2	Sơn xuyên	220	31
3	Lộ trình	293	41
4	Phòng thủ	56	8
5	Di tích	10	1
6	Địa danh khác	18	3
Tổng		708	100

Nguồn: Tác giả tổng hợp 2021

Nhóm địa danh lộ trình là nhóm địa danh chiếm tỉ lệ cao nhất được mô tả trên bản đồ, gồm: Quán, Xá, Cầu, Đò, Bến... Ở nhóm này, chiếm tỉ lệ cao nhất là địa danh "quán" gồm 108 địa danh, "xá" 31 địa danh, "đò" 21... Đây là những địa danh đóng vai trò quan yếu tới lộ trình đường đi, bởi vậy việc ưu tiên mô tả những địa danh này là có cơ sở.

Nhóm địa danh có đối tượng mô tả khiêm tốn là nhóm địa danh phòng thủ. Bởi tính chất những địa danh này không nằm dải rác theo lộ trình đường đi, mà chỉ tập trung chủ yếu ở khu vực Nghệ An, Thuận Hóa. Vì vậy, tuy chỉ chiếm 6% tổng số địa danh toàn văn bản, nhưng con số này thực sự không nhỏ. Một điểm đáng chú ý nữa là trong các bản đồ hiện còn, chỉ có bản đồ Nhật trình mới mô tả hệ thống phòng thủ, đặc biệt là các chiến lũy.

Nhóm địa danh còn lại chiếm tỉ lệ khá ít, bao gồm nhóm địa danh di tích và nhóm địa danh khác. Phần lớn những địa danh này nằm tản mát, không có khu vực cụ thể.

Như vậy, với các thông số địa danh mô tả ở Bảng 2 có thể khẳng định rằng *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ* là một bản đồ thuộc nhóm bản đồ "Nhật trình", và có thể là một bản đồ thế hệ sau của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*. Việc kết luận *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ* là một bản đồ thế hệ sau của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* là một kết luận khá thú vị, bởi nó sẽ tồn tại một hiện tượng "diên cách" (biến đổi và không biến đổi), đòi hỏi làm rõ sự biến đổi và không biến đổi này như thế nào, từ những biến đổi là tín hiệu định vị cho niên đại sao chép văn bản.

4. Vài suy nghĩ về nội dung và mục đích người sao chép

4.1. Tôn trọng nội dung sao chép

Về lý thuyết, sự sản sinh và phát triển của bản đồ có quan hệ mật thiết với hoạt động của con người và xã hội. Các giai đoạn phát triển của bản đồ phản ánh bất đồng lịch sử trong trình độ phát triển xã hội, đặc điểm kỹ thuật cũng như cơ sở khoa học ở các thời kỳ khác nhau [20]. Có thể thấy rằng, dựa vào số liệu đã thống kê trên, phạm vi mô tả văn bản chỉ dừng ở khu vực Bình Thuận, nội dung địa danh phân bố chủ yếu vẫn là các địa danh thuộc nhóm bản đồ Nhật trình. Như

vậy, bản thân người chép đã tôn trọng tác phẩm mình sao chép, không thay đổi nhiều kiến văn địa lý so với văn bản chép. Song, vẫn có một vài chỗ được sửa đổi theo kiến văn địa lý lúc bấy giờ của tác giả. Đơn cử như phần thượng văn chép phủ An [Yên] Lạc (trang 3, dòng 23), vốn dĩ nếu theo nội dung bản đồ thì địa danh An/ Yên Lạc ở đây phải là Lạc Thổ, theo cứ liệu lịch sử huyện Lạc Thổ đổi An/Yên Lạc là vào năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) [11]. Như vậy, trong quá trình sao chép, người chép đã chủ động sửa đổi Lạc Thổ sang thành huyện An/ Yên Lạc theo kiến văn địa lý lúc bấy giờ. Hoặc theo quy định khi vẽ bản đồ cổ hơn, cần lưu lại dấu vết của địa danh đương thời của triều Nguyễn, nhằm phân biệt giữa bản đồ sao chép và bản đồ được sao chép. Như những trường hợp gần đây ở bản *Hồng Đức bản đồ* ký hiệu A.2499 của Tư đạo văn khố và Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi đã phát hiện việc "cố tình" để lại địa danh thời Nguyễn ở hai bản đồ cổ đó. Vấn đề này sẽ được tiếp tục tìm hiểu ở các bài nghiên cứu tiếp theo.

Về phương thức tạo tác văn bản, vẫn lưu giữ phương thức ký hiệu và phù chú truyền thống, nhưng hệ thống đường đi từ phương pháp đơn tuyến thành phương pháp Mao trùng pháp (phương pháp vẽ lông côn trùng). Ở Trung Quốc, giai đoạn này rất chuộng phương pháp này để vẽ núi. Về cơ bản, những thay đổi này là khá ít, tương quan không ảnh hưởng quá nhiều tới nội dung văn bản. Vì vậy, tuy đây là văn bản được sao chép lại thế kỷ XIX , về cơ bản vẫn lưu giữ giá trị nội dung và phong cách tạo tác thế kỷ XVII.

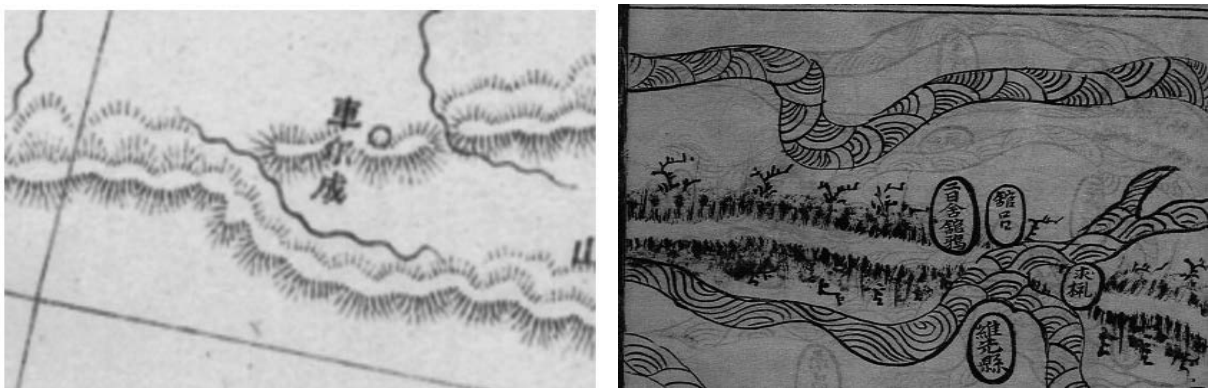

a) Phương pháp vẽ lông côn trùng được dùng để mô tả núi trên bản đồ thời Thanh - Trung Quốc

b) Phương pháp Lông côn trùng để mô tả đường đi trong bản đồ *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ*

Hình 3. Họa pháp Lông côn trùng giữa bản đồ thời Thanh Trung Quốc và bản đồ Việt Nam được sao chép thời Nguyễn

4.2. Mục đích tạo tác bản đồ

Thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn có ý nghĩa hết sức đặc biệt trong lịch sử Việt Nam thời "Tiền hiện đại" (Pre-modern Times), là thời kỳ diễn ra quá trình chuyển biến giữa hình thái kinh tế xã hội phong kiến và những mầm mống đầu tiên của hình thái Tư bản chủ nghĩa, mà các nhà nghiên cứu phương Tây và Nhật gọi là giai đoạn "Sơ kỳ cận đại" (Early Modern Times/Period) hay "Cận thế" [19]. Giá trị bản đồ Nhật trình phản ánh ở nhiều mặt, tạm viện dẫn ở 2 phương diện như sau:

Thứ nhất, *vấn đề sử liệu:* thế kỷ XVII - XVIII được xem là một khoảng trắng trong lịch sử Việt Nam, khi tình hình chiến sự và chính trị khốc liệt dai dẳng giữa các thế lực đã dẫn tới hiện trạng ngày nay còn rất ít tư liệu ghi chép chính thống và phi chính thống, đặc biệt là các tư liệu về bản đồ. Trong khi đó, nội dung nhóm bản đồ nhật trình đã cung cấp một nguồn tư liệu giàu thông tin trên nhiều mặt, từ: lộ trình, trạm dịch, hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, hệ thống các cửa biển... đóng góp rất lớn cho các nghiên cứu liên ngành. Đáng chú ý là việc cung cấp thông tin thêm về chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Thứ hai, *vấn đề bản đồ học*: chúng ta biết rằng sau nhóm bản đồ Hồng Đức là thời kỳ sản sinh rất nhiều bản đồ Nhật trình Việt Nam, quá trình này diễn ra không ngừng suốt 3 thế kỷ. Trong khi, *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* là tấm bản đồ Nhật trình sớm nhất hiện tìm được, lưu giữ nhiều phong cách tạo tác văn bản cùng quan niệm người hội chế lúc bấy giờ. Chính vì mỗi thời đều ý thức được tầm quan trọng tư liệu bản đồ Nhật trình này, mà mỗi cá nhân đều cố gắng sao chép cho mình một dị bản. Do vậy, thời gian gần đây, chúng ta ngày càng phát hiện nhiều các dị bản, có thể thống kê sơ bộ 7-10 dị bản đã được tìm thấy. Đây là một tín hiệu đáng mừng với giới nghiên cứu sử học và ngành bản đồ cổ Việt Nam, tuy nhiên đó cũng là thách thức lớn với việc xử lý, phân loại, và quan trọng hơn là sắp xếp hệ thống truyền bản văn bản bản đồ quan trọng bậc nhất Việt Nam này.

5. Kết luận

Nghiên cứu địa danh là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bản đồ. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu này chưa phổ biến, đặc biệt là phục vụ cho công tác dịch thuật, làm tăng khả năng đọc chuẩn xác trên bản đồ. Phải nói rằng, bản đồ không phải là một văn bản Hán Nôm thông thường, không thể dựa vào mặt chữ để đọc, chính vì vậy, có không ít hiện tượng các ấn phẩm bản đồ đọc sai, đọc nhầm. Hy vọng bài viết này sẽ gợi mở nhiều hướng nghiên cứu thêm về tập bản đồ, cũng như công tác nghiên cứu địa danh học bản đồ Việt Nam nói chung.

Bài viết này chỉ dừng ở mức thống kê, mô tả và đưa ra một vài nhận định chủ quan về nội dung, tuy đã có thêm nhiều chứng cứ để khẳng định về thể loại bản đồ (Nhật trình), từ đó đưa ra nhận xét về tầm quan trọng của tài liệu và mục đích sao chép văn bản. Trên cơ sở đó, bài viết mở ra hướng nghiên cứu mới trong bản đồ học, đặc biệt là giải quyết vấn đề hệ thống truyền bản của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*; bởi vì ngoài nghiên cứu đặc trưng phong cách tạo tác văn bản thì nghiên cứu địa danh học/ diên cách địa danh là yếu tố không thể thiếu khi kết luận về hệ thống truyền bản.

Chú thích

[i] Tất cả đều không có thông tin gì về tập *Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ*.

[ii] Việt Nam là một trong những nước có nền xã hội nông nghiệp, mà người dân phần lớn là tập trung ở lưu vực sông, mặt khác phần lớn lãnh thổ lại giáp biển. Cho nên biển, sông nước, ao hồ, đầm, biển.. trong lãnh thổ Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Ngoài vai trò là "huyết mạch" giao thông, sông nước còn gắn liền với kinh tế và xã hội Việt Nam; cho nên các bản đồ hiện tồn đều coi trọng thể hiện sông ngòi.

[iii] Phù hiệu và chú ký 注记 trên bản đồ là phương thức biểu thị chủ yếu tin tức địa lý trên bản đồ. Có thể nói, phù hiệu là những hình tượng hóa trên bản

đồ, có ảnh hưởng tương đối từ nghệ thuật hội họa. Trong khi Chú ký là những văn tự biểu đạt trên bản đồ, cũng gọi là "图说".

Tài liệu tham khảo

[1] Đào Duy Anh, (2017), Đất nước Việt Nam qua các đời, NXB Khoa học Xã hội: 236-237.

[2] Lê Văn Ất, (2019), Giám định niên đại Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ, Tạp chí Hán Nôm 2(153): 19-31.

[3] Lê Văn Ất, Nguyễn Tuấn Cường, (2019), Hệ thống cửa biển Việt Nam qua Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ, bài tham dự hội thảo Cửa biển Việt Nam: Nghiên cứu địa lý học lịch sử tổ chức tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ngày 07/05/2019.

[4] Nguyễn Tuấn Cường, Lê Văn Ất, (2018), Giới thiệu văn bản Hoàng Lê Cảnh Hưng Bản đồ mới phát hiện tại Nhật Bản, Nghiên cứu Hán Nôm năm 2018, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, NXB Thế giới: 601-612.

[5] Trần Trọng Dương, (2018), Tổng thuật 100 năm nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển 1:08.

[6] Trần Văn Giáp, (1970), Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập 1, Thư viện Quốc gia: 317-384.

[7] Phạm Hân, (1994), Tìm hiểu niên đại Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, Tạp chí Hán Nôm 1: 26-29.

[8] Lê Trung Hoa, (2018), Địa danh học Việt Nam, NXB Khoa học xã hội: 30.

[9] Đỗ Thùy Lan, (2018), Hệ thống Cảng Thị trên sông Đàng Ngoài - Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ 17-18, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội: 14.

[10] Hoàng Văn Lâu, (2012), Đại Nam nhất thống chí, NXB Lao Động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây: 1028.

[11] Trần Nghĩa, (2014), Bản đồ cổ Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển 2: 07-15.

[12] Trần Nghĩa; Gros, Francois, (1993), Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu, 03 tập, NXB Khoa học xã hội.

[13] Phạm Hoàng Quân, (2016), Tập bản đồ hàng hải 1841 ở Thư viện Đại học Yale (dịch và chú giải), NXB Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh: 28.

[14] Tống Phước Ngoạn, Dương Văn Châu, (2017), Xiêm La quốc lộ trình tập lục, Phạm Hoàng Quân dịch, NXB Văn Hóa Văn Nghệ: 15.

[15] Nguyễn Trãi, (1960), Ức trai di tập Dư địa chí, Phan Huy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích, NXB Sử học: 59-177.

[16] Trần Quốc Vượng, (1967), Về quê hương Ngô Quyền, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử 101: 60-62.

[17] Trần Ngọc Vương, Nguyễn Tô Lan, Trần Trọng Dương, (2011), Đường Lâm là Đường Lâm nào (Tìm về quê hương Đại sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu), Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển 2: 115-137.

[18] Whitmore, John K., (1994), Cartography in Vietnam, in J. B. Harley, David Woodward (eds.), The History of Cartography, Volume 2, Book 2: Cartography in the Traditional East and Southeast Asian Societies, University of Chicago Press: 478–508.

[19] 韩周敬， 郭聲波, (2015)， 越南洪德版圖製作年代考，域外漢籍研究集刊，第十一輯：203-214.

[20] 陈述彭， (2001)， 地图科学的几点前瞻性思考［J］. 测绘科学 26(1): 01-06.